

Đầu nối khí dạng L NPQE-L-Q10-S10-P10

Số bộ phận: 8113200

FESTO



Bảng dữ liệu

| Đặc tính | Giá trị |
|---|--|
| Kích thước | Tiêu chuẩn |
| Chiều rộng định mức | 9.3 mm |
| Vị trí lắp đặt | bất kì |
| Thiết kế | Hình chữ L |
| Kích cỡ gói | 10 |
| Cấu trúc xây dựng | Nguyên tắc đẩy-kéo |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPA...0.8 MPA -0.95 bar...8 bar -13.775 psi...116 psi |
| Môi chất vận hành | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4] |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu |
| Lớp chống ăn mòn KBK | 1 - ứng suất ăn mòn thấp |
| Tuân thủ LABS | VDMA24364 Vùng III |
| Loại phòng sạch | Loại 4 theo ISO 14644-1 |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh | -5 °C...60 °C |
| trọng lượng sản phẩm | 8.57 g |
| Cổng nối khí nén 1 | đối với ống mềm Ø ngoài 10 mm |
| Cổng nối khí nén 2 | Ống bọc cắm Ø 10 mm |
| Màu vòng nhà | màu xanh dương |
| Ghi chú vật liệu | Tuân thủ RoHS |
| Vật liệu vỏ | PBT |
| Vật liệu vòng nhà | POM |
| Vật liệu vòng đệm kín ống mềm | NBR |
| Đoạn kẹp ống vật liệu | Thép không gỉ |